TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn Q; nơi cư trú: Thôn NA, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn NA, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 11-8-2009. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận thời gian đầu và có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do không hợp tính nhau, luôn bất đồng

quan điểm về tình cảm, cách sống, mặt khác chịN thường ghen tuông vô cớ đã làm mất thể diện, uy tín, danh dự nơi anh công tác nên nhiều lần vợ chồng xảy ra xô sát, bất hòa. Tháng 02/2020 chịN đã tổ chức gia đình đến nhà bạn gái anh đánh ghen, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng. Từ tháng 9/2019 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh Q xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Phạm Nguyễn H B, sinh ngày 17-01-2010. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chịN trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các văn bản khác và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị N xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như anh Phạm Văn Q trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, mặt khác anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã xảy ra bất hòa. Do không kìm chế bản thân nên chị và bạn gái anh Q đã xảy ra xô sát. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng, anh Q sống lạnh nhạt với chị. Vợ chồng anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau, anh Q xin ly hôn chị không đồng ý. Nếu anh Q cố tình ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Q có 01 con chung là Phạm Nguyễn H B, sinh ngày 17-01-2010. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên vi phạm này của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật nhân và gia đình: Xử cho anh Phạm Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn H B, sinh ngày 17-01-2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Về tài sản chung: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn NA, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị N vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 11-8-2009, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 do bất đồng quan điểm, nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra bất hòa. Từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay anh Phạm Văn Q nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Quá trình giải quyết vụ án, chịN không đồng ý ly hôn với anh Q . Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Phạm Văn Q xin ly hôn với chị Nguyễn Thị N phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Phạm Nguyễn H B, sinh ngày 17-01-2010. Khi ly hôn, anh Q đề nghị Tòa án giao con chung cho chịN trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án chịN đề nghị được nuôi con chung. Xét yêu cầu của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Q và chịN đều có nơi ở và thu nhập ổn định hàng tháng, cháu Phạm Nguyễn H B, sinh ngày 17-01-2010 có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chịN , giao con chung Phạm Nguyễn H B, sinh ngày 17-01-2010 cho chịN trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chấp nhận sự thỏa thuận của anh Q và chịN , anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn H B, sinh ngày 17-01-2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời hạn nuôi

con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Anh Q đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008244 ngày 14-7-2020. Anh Phạm Văn Q còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã TC huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền